TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **242**/2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị D** và anh **Nguyễn Đức H**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 20 tháng 8 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 10/7/2004 hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Đức H không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

+ Giao cháu Nguyễn Việt H2, sinh ngày 11/8/2010 cho chị Nguyễn Thị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Đức H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị D và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Đức H đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Đức H đều xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001099587, ngày 05/4/2024 của Công ty cổ phần T và biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0000657 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và. Trả lại cho chị Nguyễn Thị D số tiền chênh lệnh là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Đức H không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T.;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến